Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
30-12-2024 15:21:23 +07:00

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2973/QĐ-VHL	*Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024

CHỦ TỊCH
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Website Viện Hàn lâm;
- Lưu: VT, KHTC, NTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Lê Trường Giang

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Biểu số 1

CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 2973 /QĐ-VHL ngày 27 / 12/2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2024	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Viện Công nghệ sinh học	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**														
I	**Số thu phí, lệ phí**	**16.050,00**	**16.050,00**												
1	Lệ phí	**0,00**	**0,00**												
2	Phí	16.050,00	16.050,00												
	Phí bảo tàng	*16.050,00*	*16.050,00*												
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**15.247,00**	**13.515,65**												
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	15.247,00	13.515,65												
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.247,00	13.515,65												
2	Chi quản lý hành chính	0,00	0,00												
III	**Chi từ nguồn thu phí được để lại chưa được thống nhất phân bổ**	**0,00**	**1.020,00**												
IV	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**803,00**	**1.514,35**												
3.1	Lệ phí	0,00	0,00												
3.2	Phí bảo tàng	803,00	1.514,35												
B	**Dự toán chi NSNN**	**942.962,30**	**911.251,85**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**925.192,30**	**893.481,85**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0,00												
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0,00												
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**855.812,30**	**830.740,40**	**0,000**	**0,0000**	**0,000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2024	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Viện Công nghệ sinh học	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		277.710,25												
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia		*0,00*												
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ		*259.232,75*												
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở		*18.477,50*												
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ		*299.455,8800*												
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		218.911,9720												
2.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	**34.662,30**	34.662,3000	1.095,200	1.434,3000	1.348,000	2.576,9000	1.488,3000	1.811,6000	853,2000	1.928,4000	1.873,600	1.488,900	1.412,000	1.215,700
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**39.910,00**	**35.619,55**												
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	32.255,00	31.842,25												
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.655,00	3.777,30												
4	**Chi hoạt động kinh tế**	**17.340,00**	**16.473,40**												
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.340,00	16.473,40												
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**3.600,00**	**2.420,00**												
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.600,00	2.420,00												
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**8.530,00**	**8.228,50**												
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.530,00	8.228,50												
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**17.770,00**	**17.770,00**												
1	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**17.770,00**	**17.770,00**												

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Biểu số 1

CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 2973 /QĐ-VHL ngày 27/12 /2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó														
		Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học và Tin học Ứng dụng	Viện Công nghệ hóa học	Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	Viện Địa lý Tài nguyên TP.HCM	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển	Viện Địa chất và Địa vật lý Biển	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao
A	B	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**															
I	**Số thu phí, lệ phí**					**16.050,00**										
1	Lệ phí					0,00										
2	Phí					16.050,00										
	Phí bảo tàng					*16.050,00*										
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**					**13.515,65**										
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					13.515,65										
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					13.515,65										
2	Chi quản lý hành chính					0,00										
III	**Chi từ nguồn thu phí được để lại chưa được thống nhất phân bổ**					**1.020,00**										
IV	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**					**1.514,35**										
3.1	Lệ phí					0,00										
3.2	Phí bảo tàng					1.514,35										
B	**Dự toán chi NSNN**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**0,00**	**0,000**	**0,0000**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,000**	**0,0000**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ															
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ															
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**0,00**	**0,0000**	**0,0000**	**0,000**	**0,0000**	**0,000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,000**	**0,0000**	**0,0000**

TT	Nội dung	Trong đó														
		Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học và Tin học Ứng dụng	Viện Công nghệ hóa học	Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	Viện Địa lý Tài nguyên TP.HCM	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển	Viện Địa chất và Địa vật lý Biển	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao
A	B	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN															
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia															
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ															
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở															
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ															
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
2.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.150,6000	769,1000	777,1000	1.193,100	0,0000	640,000	958,6000	427,9000	436,8000	738,1000	964,6000	357,4000	1.910,300	0,0000	878,9000
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**															
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
4	**Chi hoạt động kinh tế**															
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**															
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**															
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
II	**Nguồn vốn viện trợ**															
1	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**															

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Biểu số 1

CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 2973 /QĐ-VHL ngày 27 /12 /2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó											
		Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	Viện Công nghệ vũ trụ	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung	Trung tâm tin học và Tính toán	Viện Hoá sinh biển	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ Gen	Học viện Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Đoàn ra
A	B	28	30	31	32	34	35	36	37	38	39	40	41
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**												
I	**Số thu phí, lệ phí**												
1	Lệ phí												
2	Phí												
	Phí bảo tàng												
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**												
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin												
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
2	Chi quản lý hành chính												
III	**Chi từ nguồn thu phí được để lại chưa được thống nhất phân bổ**												
IV	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**												
3.1	Lệ phí												
3.2	Phí bảo tàng												
B	**Dự toán chi NSNN**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,0000**	**0,00**	**0,00**	**0,0000**	**0,00**	**0,00**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,0000**	**0,00**	**0,00**	**0,0000**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ												
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ												
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**0,0000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,0000**	**0,000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,0000**	**0,000**	**0,000**

TT	Nội dung	Trong đó											
		Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	Viện Công nghệ vũ trụ	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung	Trung tâm tin học và Tính toán	Viện Hoá sinh biển	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ Gen	Học viện Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Đoàn ra
A	B	28	30	31	32	34	35	36	37	38	39	40	41
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN												
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia												
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ												
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở												
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ												
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
2.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	1.199,8000	155,000	574,500	528,500	323,0000	216,000	834,0000	577,2000	525,7000	0,0000	0,0000	0,0000
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**												
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
4	**Chi hoạt động kinh tế**												
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**												
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**												**0,00**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
II	**Nguồn vốn viện trợ**												
1	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**												